

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Quý 01 năm 2012
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012
(giai đoạn chuyển đổi năm tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A-Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		112.388.675.892	118.588.630.561
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.163.529.182	19.167.261.167
1. Tiền	111		1.941.932.498	16.167.261.167
2. Các khoản tương đương tiền	112		221.596.684	3.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	4.276.752.300	4.463.502.300
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.276.752.300	4.463.502.300
2. Dự phòng giảm đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III- Các khoản phải thu	130		44.401.221.151	41.840.795.640
1. Phải thu của khách hàng	131		37.323.622.280	32.307.046.209
2. Trả trước cho người bán	132		4.667.475.804	6.516.511.108
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.684.319.732	3.291.434.988
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.04	(274.196.665)	(274.196.665)
IV- Hàng tồn kho	140	V.05	53.344.160.405	44.059.847.892
1. Hàng tồn kho	141		55.119.286.453	45.834.973.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.775.126.048)	(1.775.126.048)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		8.203.012.854	9.057.223.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		310.762.675	288.172.948
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.699.849.491	4.548.375.529
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		31.861.171	12.016.278
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	3.160.539.517	4.208.658.807



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		188.724.265.269	188.419.264.334
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II- Tài sản cố định	220		85.831.425.842	87.894.432.406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	62.856.960.039	64.705.238.270
- Nguyên giá	222		69.915.736.514	70.919.340.525
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.058.776.475)	(6.214.102.255)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	22.974.465.803	23.189.194.136
- Nguyên giá	228		24.573.957.371	24.573.957.371
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.599.491.568)	(1.384.763.235)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09		
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		98.964.669.119	97.577.570.019
1. Đầu tư tư vào công ty con	251	V.10	90.220.669.119	88.833.570.019
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252	V.11	4.230.000.000	4.230.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	8.214.000.000	8.214.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.13	(3.700.000.000)	(3.700.000.000)
V- Tài sản dài hạn khác	260		3.928.170.308	2.947.261.909
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3.928.170.308	2.947.261.909
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		301.112.941.161	307.007.894.895

396604
CÔNG TY
PHẦN
CÔNG NGHỆ
TIỀN PHONG
PHỔ CHÍ

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối quý	Số đầu năm
		minh		
A-Nợ phải trả (300=310+330)	300		141.386.253.958	149.252.085.251
I- Nợ ngắn hạn	310		90.361.538.317	103.385.715.355
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	18.913.342.460	16.746.822.636
2. Phải trả cho người bán	312		38.028.525.917	48.634.401.251
3. Người mua trả tiền trước	313		7.241.339.665	9.599.506.461
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.222.681.330	2.394.792.619
5. Phải trả người lao động	315		51.329.091	1.963.253.159
6. Chi phí phải trả	316	V.17	362.830.251	307.346.773
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	19.794.285.465	18.502.578.012
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.636.617.751	2.499.046.836
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.110.586.387	2.737.967.608
II- Nợ dài hạn	330		51.024.715.641	45.866.369.896
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.951.804.436	1.228.632.200
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	48.467.900.587	44.065.205.078
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		563.864.891	531.386.891
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		41.145.727	41.145.727
B-Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		159.726.687.203	157.755.809.644
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.20	159.726.687.203	157.755.809.644
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127.711.950.000	116.103.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(15.680.000)	(15.680.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		293.589.662	293.589.662
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.736.827.541	41.373.909.982
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		301.112.941.161	307.007.894.895



Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Ngày 24 tháng 4 năm 2012

Lâm Thiệu Quân
Tổng giám đốc

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý 01 năm 2012

(giai đoạn chuyển đổi năm tài chính)

Chỉ tiêu	Thuyết	Quý 01 năm 2012		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	33.141.037.053	13.029.725.914	33.141.037.053	13.029.725.914
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	10.000.000	-	10.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02 VI.01)		33.141.037.053	13.019.725.914	33.141.037.053	13.019.725.914
4. Giá vốn hàng bán	VI.02	25.825.854.277	6.350.955.972	25.825.854.277	6.350.955.972
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		7.315.182.776	6.668.769.942	7.315.182.776	6.668.769.942
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	2.153.084.744	66.004.902	2.153.084.744	66.004.902
7. Chi phí tài chính	VI.04	2.922.835.547	679.058.295	2.922.835.547	679.058.295
- Trong đó: Lãi vay phải trả		2.842.468.779	512.595.241	2.842.468.779	512.595.241
8. Chi phí bán hàng	VI.05	2.525.548.667	2.853.680.246	2.525.548.667	2.853.680.246
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	1.908.618.631	1.835.727.131	1.908.618.631	1.835.727.131
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-		2.111.264.675	1.366.309.172	2.111.264.675	1.366.309.172
11. Thu nhập khác	VI.07	142.840.704	-	142.840.704	-
12. Chi phí khác	VI.08	106.476	11.200.000	106.476	11.200.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		142.734.228	(11.200.000)	142.734.228	(11.200.000)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)		2.253.998.903	1.355.109.172	2.253.998.903	1.355.109.172
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	63.499.725	-	63.499.725	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		2.190.499.178	1.355.109.172	2.190.499.178	1.355.109.172



Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng




Lâm Thiệu Quân
Tổng giám đốc

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1/2012

(giai đoạn chuyển đổi năm tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.253.998.903	1.355.109.172
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.07, V.08	1.059.402.553	492.774.058
- Các khoản dự phòng	03		-	(5.727.925)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(10.580.922)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.043.878.423)	(41.547.051)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.842.468.779	512.595.241
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.101.410.890	2.313.203.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.435.429.766)	8.399.239.925
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.284.312.513)	(7.730.580.014)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.405.178.746)	(11.048.434.974)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		216.905.885	(56.711.741)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.960.271.194)	(523.198.233)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.000.000.000)	(777.332.286)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.242.960.723	152.849.128
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.358.275.394)	(708.650.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.882.190.115)	(9.979.615.465)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.546.104.269)	(3.603.281.348)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		257.500.000	1.747.388.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.387.099.100)	(500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.084.620.944	188.933.946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.691.082.425)	(2.166.959.402)



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Số 1, tòa nhà TTC, Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.20	11.607.960.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15, V.19	11.514.461.129	16.360.489.220
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15, V.19	(4.945.245.796)	(4.146.410.855)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(11.607.960.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.569.215.333	12.214.078.365
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(17.004.057.207)	67.503.498
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19.167.261.167	4.363.720.094
			325.222	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.163.529.182	4.431.223.592



Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2012

Lâm Thiệu Quân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 Công ty có 85 nhân viên đang làm việc

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính chuyển đổi**
Năm tài chính chuyển đổi của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. **Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.
5. **Tài sản cố định hữu hình**
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đã trả được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 44 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2-5 năm

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Công ty.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 02% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

66
TY
HẠN
NGH
HON
10 C

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/11 :	21.036 VND/USD
31/03/12 :	20.860 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đối tượng	31/03/2012	31/12/11
Tiền mặt	142.382.660	187.706.051
Tiền gửi ngân hàng	1.799.549.838	15.979.555.116
Các khoản tương đương tiền (*)	221.596.684	3.000.000.000
Cộng	2.163.529.182	19.167.261.167

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Đối tượng	31/03/2012	31/12/11
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	395.752.300	682.502.300
Cho vay	3.881.000.000	3.781.000.000
Cộng	4.276.752.300	4.463.502.300

3. Các khoản phải thu khác

Đối tượng	31/03/2012	31/12/11
Cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	1.635.517.267	1.429.410.270
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu		483.740.736
Phải thu khác từ các công ty con, công ty liên kết	1.014.530.663	1.197.177.628
Phải thu khác từ các cá nhân		
Phải thu khác	34.271.802	181.106.354
Cộng	2.684.319.732	3.291.434.988

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đối tượng	31/03/2012	31/12/11
Số dư 31/12/2011	274.196.665	188.512.636
Tăng trong kỳ		91.411.954
Hoàn nhập trong kỳ		(5.727.925)
Số dư 31/3/2012	274.196.665	274.196.665

5. Hàng tồn kho

Đối tượng	31/03/2012	31/12/11
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.373.877.792	30.629.315.276
Hàng hóa	10.745.408.661	15.205.658.664
	55.119.286.453	45.834.973.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.775.126.048)	(1.775.126.048)
Cộng	53.344.160.405	44.059.847.892

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

6. Tài sản ngắn hạn khác

Đối tượng	31/03/2012	31/12/11
Tạm ứng	172.292.210	327.563.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.988.247.307	3.881.095.807
Cộng	3.160.539.517	4.208.658.807

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đối tượng	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	61.170.651.719	278.418.783	5.996.223.616	3.418.229.927	55.816.480	70.919.340.525
Mua sắm mới				29.600.000		29.600.000
kết chuyển từ XI	187.200.000					187.200.000
kết chuyển sang ' (1.220.404.011)						(1.220.404.011)
Thanh lý, nhượng bán						-
Số cuối năm	60.137.447.708	278.418.783	5.996.223.616	3.447.829.927	55.816.480	69.915.736.514
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	849.592.383	232.964.240	2.323.817.832	2.751.911.320	55.816.480	6.214.102.255
Khấu hao trong r	506.885.420	6.818.184	217.902.492	113.068.124		844.674.220
Thanh lý, nhượng bán						-
Số cuối năm	1.356.477.803	239.782.424	2.541.720.324	2.864.979.444	55.816.480	7.058.776.475
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	60.321.059.336	45.454.543	3.672.405.784	666.318.607		64.705.238.270
Số cuối năm	58.780.969.905	38.636.359	3.454.503.292	582.850.483	-	62.856.960.039

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, một số phương tiện tài có giá trị còn lại xấp xỉ 472 triệu VNĐ và 1.253 triệu VNĐ được thế chấp lần lượt tại ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Lê Văn Sỹ và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo các khoản vay cho công ty

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đối tượng	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.053.529.245	520.428.126	24.573.957.371
Mua sắm mới			
Số cuối năm	24.053.529.245	520.428.126	24.573.957.371
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	929.728.621	455.034.614	1.384.763.235
Khấu hao trong năm	191.916.459	22.811.874	214.728.333
Số cuối năm	1.121.645.080	477.846.488	1.599.491.568
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.123.800.624	65.393.512	23.189.194.136
Số cuối năm	22.931.884.165	42.581.638	22.974.465.803

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 22.931 triệu VNĐ được thế chấp tại Ngân hàng CPCP Công Thương - Chi nhánh Nam Sài Gòn để đảm bảo khoản vay dài hạn cho công ty

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đối tượng	31/03/12	31/12/11
Số dư đầu năm		13.737.936.943
Tăng trong kỳ	187.200.000	48.194.440.670
Chuyển sang tài sản cố định	(187.200.000)	(61.170.651.719)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn		(761.725.894)
Cộng	-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

10. Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	3/03/11			31/12/11		
	% quyền sở hữu	Số lượng	Giá trị	% quyền sở hữu	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	59,27%	580.397	5.803.970.000	59,27%	580.397	5.803.970.000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tỉnh	82,74%	819.388	8.193.880.000	82,74%	819.388	8.193.880.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	50,51%	3.558.840	35.167.529.294	50,51%	3.558.840	35.167.529.294
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông	71,79%	926.066	9.260.660.000	71,79%	926.066	9.260.660.000
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong	100%	990.000	9.900.000.000	100%	990.000	9.900.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	44,80%	4.129.249	21.894.629.825	43,57%	4.015.849	20.507.530.725
(*)						
Cộng			90.220.669.119			88.833.570.019

(*) Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của các cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu là 54.10%

11. Đầu tư vào công ty liên kết

Đối tượng	31/03/2012			31/12/2011		
	% quyền sở hữu	Số lượng	Giá trị	% quyền sở hữu	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận	32%	192.000	1.920.000.000	32%	192.000	1.920.000.000
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	69,84%	231.000	2.310.000.000	69,84%	231.000	2.310.000.000
Cộng			4.230.000.000			4.230.000.000

12. Đầu tư dài hạn khác

Đối tượng	31/03/2012	31/12/2011
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Toàn Cầu -GII (*)	14.000.000	14.000.000
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh	4.050.000.000	4.050.000.000
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty cổ phần thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	2.650.000.000	2.650.000.000
Cộng	8.214.000.000	8.214.000.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng	31/03/2012	31/12/2011
Công ty CP Thanh toán trực Tuyến Mùa Xuân	800.000.000	800.000.000
Công ty CP Định Vị Tiên Phong	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty CP Thái Sơn Tiên Phong	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	3.700.000.000	3.700.000.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

14. Chi phí trả trước dài hạn

Đối tượng	31/12/2011	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	31/03/2012
Chi phí thẻ hội viên golf	815.060.326			815.060.326
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.132.201.583	1.278.052.313	(297.143.914)	3.113.109.982
Cộng	2.947.261.909	1.278.052.313	(297.143.914)	3.928.170.308

15. Vay và nợ ngắn hạn

Đối tượng	31/03/2012	31/12/2011
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.813.992.620	5.412.471.796
- Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình		
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(a)	2.645.156.360	2.391.795.772
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	3.168.836.260	3.020.676.024
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(c)	9.331.000.000	7.531.000.000
- Công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	4.581.000.000	2.781.000.000
- Công ty TNHH TM & DV Kiều Phong	1.000.000.000	1.000.000.000
- Nguyễn Thị Bạch Tuyết (GD chiến lược truyền thông)	50.000.000	50.000.000
- Vay ngắn hạn các cá nhân khác (không thuộc thành viên chủ chốt là HĐQT và BGD, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng)	3.700.000.000	3.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 19)	3.768.349.840	3.803.350.840
Cộng	18.913.342.460	16.746.822.636

^(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng bảng kê biên tài sản của Ông Lâm Thiếu Quân (chủ tịch hội đồng quản trị) và Nguyễn Anh Dũng (cổ đông lớn không thuộc thành viên chủ chốt của Tiên Phong) gửi tại Ngân hàng HSBC

^(b) Khoản vay Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe Mercedes của công ty và nhà của Ông Lâm Thiếu Quân (chủ tịch hội đồng quản trị).

^(c) Khoản vay các tổ chức và cá nhân với lãi suất từ 1,30% - 1,65%/tháng.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đối tượng	31/03/2012	31/12/2011
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa		
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.293.670	154.944.238
Thuế xuất, nhập khẩu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	801.064.950	1.737.565.225
Thuế thu nhập cá nhân	420.322.710	502.760.540
Các loại thuế khác		
Cộng	1.222.681.330	2.395.270.003

17. Chi phí phải trả

Đối tượng	31/03/2012	31/12/2011
Chi phí lãi vay	30.511.708	175.828.123
Giá vốn hàng hóa phải trả	224.318.543	23.518.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	108.000.000	108.000.000
Cộng	362.830.251	307.346.773

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đối tượng	31/03/2012	31/12/2011
Tài sản thừa chờ giải quyết	285.840.407	285.840.407
Bảo hiểm xã hội	252.268.816	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	498.077.000	493.077.000
Phải trả khác cho các cty con, công ty liên kết	9.195.408.500	8.717.894.500
Phải trả khác cho cá nhân	9.520.000.000	8.970.000.000
Phải trả khác	42.690.742	35.766.105
Cộng	19.794.285.465	18.502.578.012

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

19. Vay và nợ dài hạn

Đối tượng	31/03/2012	31/12/2011
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Lê Văn Sỹ ^(a)	209.994.000	244.995.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ^(b)	52.026.256.427	47.623.560.918
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 15)	(3.768.349.840)	(3.803.350.840)
Cộng	48.467.900.587	44.065.205.078

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Lê Văn Sỹ để mua xe. Khoản vay này được đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay.

^(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê với thời hạn thuê kết thúc tại ngày 23/9/2041 nằm tại Lô A1, đường 20, Khu E-Office, Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

20. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

Đối tượng	Vốn đầu cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	31.785.708.648	-	147.874.018.648
Lợi nhuận trong kỳ			21.434.225.581		21.434.225.581
Trích lập các quỹ			(1.985.318.219)	293.589.662	(1.691.728.557)
Chia cổ tức			(9.287.064.800)		(9.287.064.800)
Truy thu thuế quyết toán 2010			(573.641.228)		(573.641.228)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	116.103.990.000	(15.680.000)	41.373.909.982	293.589.662	157.755.809.644
Lợi nhuận trong kỳ			2.190.499.178		2.190.499.178
Trích lập các quỹ			(219.621.619)		(219.621.619)
Chia cổ tức			(11.607.960.000)		(11.607.960.000)
Tăng vốn	11.607.960.000				11.607.960.000
Số dư, ngày 31 tháng 03 năm 2012	127.711.950.000	(15.680.000)	31.736.827.541	293.589.662	159.726.687.203

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 03 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12.769.627	127.696.270.000	11.608.831	116.088.310.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Tổng doanh thu	33.141.037.053	13.029.725.914
- Doanh thu bán hàng hóa	12.982.371.308	11.191.973.379
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.158.665.745	1.837.752.535
Khoản giảm trừ doanh thu hàng bán bị trả lại	-	(10.000.000)
Doanh thu thuần	33.141.037.053	13.019.725.914

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

2. Giá vốn hàng bán		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	7.395.690.614	6.266.317.774
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.430.163.663	84.638.198
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	25.825.854.277	6.350.955.972
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	(34.440.577)	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.491.269	
Lãi tiền cho vay	78.319.000	62.351.703
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.000.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	78.210	3.653.199
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.580.922	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	72.055.920	
Cộng	2.153.084.744	66.004.902
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Chi phí lãi vay	2.842.468.779	512.595.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.366.768	166.463.054
Cộng	2.922.835.547	679.058.295
5. Chi phí bán hàng		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Chi phí cho nhân viên	1.595.659.325	1.915.667.528
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.175.347	90.763.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.258.637	100.768.155
Chi phí bảo hành	360.167.69	7.132.054
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.446.085	667.053.404
Chi phí khác	165.992.504	72.295.369
Cộng	2.525.548.667	2.853.680.246
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Chi phí cho nhân viên	1.194.933.379	1.034.835.580
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.694.179	19.663.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	193.242.474	197.890.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.666.924	570.685.403
Chi phí khác	80.081.675	12.652.500
Cộng	1.908.618.631	1.835.727.131
7. Thu nhập khác		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Hoàn nhập trích dự phòng bảo hành	142.831.703	
Thu khác	9.001	
Cộng	142.840.704	0
8. Chi phí khác		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		
Giá trị vật tư, công cụ thanh lý		
Chi phí khác	106.476	11.200.000
Cộng	106.476	11.200.000
9. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất áp dụng		
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.		
Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Kỳ/năm hiện hành	63.499.725
------------------	------------

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	31/03/2012	31/03/2011
Chi phí hàng hóa xuất bán	36.134.894.926	11.842.879.177
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.869.526	110.427.066
Chi phí nhân công	2.966.181.935	3.114.016.108
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.058.302.990	298.658.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.333.767.991	1.935.335.401
Chi phí khác	362.566.723	84.947.869
Cộng	44.004.584.091	17.386.264.094

12. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư công nợ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 như sau

Bên liên quan	Bản chất số dư	31/03/2012	31/03/2011
----------------------	-----------------------	-------------------	-------------------

Các khoản phải trả

Hội đồng Quản trị và BGD	Phải trả phi thương mại	50.000.000	670.000.000
--------------------------	-------------------------	------------	-------------

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

	31/03/2012	31/03/2011
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	330.000.000	543.000.000

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ/năm như sau

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	31/03/2012	31/12/2011
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty con	Góp vốn		(140.000.000)
		Nhận cổ tức		897.279.962
		Phí nhượng quyền	293.368.608	1.187.884.954
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	470.893.944	1.106.215.655
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(5.726.310)	(134.732.003)
		Thu nhập lãi		161.974.536
		Thu nhập lãi		81.899.792
		Thu tiền cho vay		1.387.388.000
		Nhận cổ tức		819.388.000
		Mua hàng, dịch vụ	(9.406.310)	(281.483.685)
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Công ty con	Mượn tiền		2.100.000.000
		Phí nhượng quyền	103.604.904	940.212.276
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	271.780.970	617.569.396
		Góp vốn		(3.904.650.000)
		Cho vay		2.781.000.000
		Thu nhập lãi	28.119.000	46.659.000
		Nhận cổ tức		228.123.000
		Phí nhượng quyền	521.720.000	981.492.000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	327.437.926	706.168.461
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(1.236.962.820)	(3.724.685.050)
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Xây dựng công trình văn phòng		(41.172.359.003)
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	228.854.915	397.047.815
		Mua hàng, dịch vụ	(75.610.500)	(1.776.782.110)

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

<i>Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong</i>	Công ty con	Nhận cổ tức	2.000.000.000	
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	155.052.758	239.933.183
		Mua hàng	(1.260.000.000)	(9.182.000.000)
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>	Công ty con	Góp vốn	1.387.099.100	1.784.000.000
		Nhận cổ tức		12.670.656.800
		Vay	(1.800.000.000)	(2.781.000.000)
		Lãi vay	(28.119.000)	(46.659.000)
		Phí nhượng quyền	295.233.000	1.575.047.000
		Mua hàng, dịch vụ	(250.107.563)	(2.203.427.612)
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	518.391.512	924.890.697
		Mượn tiền	(2.350.000.000)	(834.000.000)
<i>Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận</i>	Công ty liên kết	Nhận cổ tức		131.800.849
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	720.000	3.488.791
		Mượn tiền		
		Mua hàng, dịch vụ	(7.826.250)	(2.732.000)
<i>Công ty cổ phần thanh toán trực tuyến mùa xuân</i>	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.580.000	36.324.303
		Nhận cổ tức		54.900.000
<i>Công ty cổ phần định vị Tiên Phong</i>	Công ty liên kết	Góp vốn		(200.000.000)
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.847.390	79.047.454
		Cho vay	100.000.000	200.000.000
		Thu nhập lãi	12.760.000	
<i>Công ty TNHH đầu tư hạ tầng Toàn Cầu</i>	Bên liên quan	Chuyển nhượng vốn góp		7.820.000.000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.064.320	301.096.539
<i>Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh</i>	Bên liên quan	Góp vốn		(1.430.000.000)
		Chuyển nhượng		380.000.000
		Cho vay		5.000.000.000
		Nhận tiền cho vay		5.000.000.000
		Lãi vay	(605.000)	(21.235.500)
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.520.000	15.807.061
<i>Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong</i>	Bên liên quan	Thu nhập lãi	37.440.000	140.400.000
<i>Công ty TNHH liên doanh Global Sitem</i>	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	6.480.000	42.422.222

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31/03/12	31/12/11
Các khoản phải thu				
<i>Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến</i>	Công ty con	Phải thu TM	1.267.596.161	3.216.035.465
		Phải thu phi TM	(1.020.013)	645.715.272
<i>Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh</i>	Công ty con	Phải thu TM	438.260.817	986.017.662
		Phải thu phi TM	(117.870.416)	
<i>Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh</i>	Công ty con	Phải thu TM	3.799.400.506	1.182.563.551
		Phải thu phi TM	594.778.000	3.347.659.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông</i>	Công ty con	Phải thu TM	250.303.489	567.071.509
<i>Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong</i>	Công ty con	Phải thu TM	504.259.629	333.128.890
		Phải thu phi TM	144.000.000	144.000.000
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>	Công ty con	Phải thu TM	650.198.841	1.866.567.039
		Phải thu phi TM	133.574.000	113.675.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận</i>	Công ty liên kết	Phải thu TM	792.000	1.055.791
<i>Công ty cổ phần định vị Tiên Phong</i>	Công ty liên kết	Phải thu TM	489.845.729	165.813.599
		Phải thu phi TM	12760000	200.000.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn chuyển đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012

<i>Công ty TNHH đầu tư hạ tầng Toàn Cầu</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	132.070.752	233.254.997
<i>Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong</i>	Bên liên quan	Phải thu phi TM	1.048.269.092	1.010.829.092
<i>Công ty TNHH liên doanh Global Sitem</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	49.725.172	63.452.605
<i>Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	19.924.561	17.152.561
<i>Công ty cổ phần thanh toán trực tuyến mùa</i>	Bên liên quan	Phải thu TM	23.075.567	16.937.567
Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31/03/12	31/12/11
Các khoản phải trả				
<i>Công ty CP công nghệ tự động Tân Tiến</i>	Công ty con	Phải trả TM	(2.245.485.629)	
		Phải trả phi TM	237.380.100	
<i>Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh</i>	Công ty con	Phải trả TM	10.346.941	155.783.223
		Phải trả phi TM	326.066.000	2.226.066.000
<i>Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh</i>	Công ty con	Phải trả TM	3.106.836.897	8.180.643.407
		Phải trả phi TM	194.277.636	
<i>Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông</i>	Công ty con	Phải trả TM	19.606.400	58.608.000
		Phải trả phi TM	129.828.000	129.828.000
<i>Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong</i>	Công ty con	Phải trả TM	4.276.500.000	6.235.200.000
		Phải trả phi TM		
<i>Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu</i>	Công ty con	Phải trả TM	4.632.842.138	
		Phải trả phi TM	9.287.528.000	9.377.659.000
<i>Công ty cổ phần công nghệ Thiên Vận</i>	Công ty liên kết	Phải trả TM	(77.253.825)	
		Phải trả phi TM		840.285.462
<i>Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh</i>	Bên liên quan	Phải trả phi TM		21.235.500

13. Thông tin về bộ phận

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh đến 31 tháng 03 năm 2012

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Viễn thông - Tin học	7.446.043.722	5.474.952.274	1.971.091.448
Hạ tầng - Giao thông	22.349.643.084	18.800.597.605	3.549.045.479
Lĩnh vực khác	3.345.350.247	1.550.304.398	1.795.045.849
Tổng cộng	33.141.037.053	25.825.854.277	7.315.182.776



Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Ngày 24 tháng 4 năm 2012

Lâm Thiệu Quân
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ
TIỀN PHONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2012/CV

Tp. HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2012

(V/v giải trình chênh lệch lợi
nhuận quý I năm 2012 so với
quý I năm 2011)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại thông tư 09/2010/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần Công Nghệ Tiên Phong (mã chứng khoán: ITD) giải trình chênh lệch lợi nhuận quý I năm 2012 so với quý I năm 2011 như sau:

Chỉ tiêu	Quý I/2012	Quý I/2011	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	33.141.037.053	13.019.725.914	20.121.311.139	155%
Lợi nhuận gộp	7.315.182.776	6.668.769.942	646.412.834	10%
Doanh thu tài chính	2.153.084.744	66.004.902	2.087.079.842	3162%
Chi phí tài chính	2.922.835.547	679.058.295	2.243.777.252	330%
Tổng lợi nhuận trước thuế	2.253.998.903	1.355.109.172	898.889.731	66%

- Tổng doanh thu quý I năm 2012 là 33.141.037.053 đồng tăng 155% so với cùng kỳ năm ngoái là do có 2 dự án lớn nghiệm thu trong quý I chiếm hơn 26.3tỷ. Nhưng tỷ lệ lãi gộp của 2 dự án này khá thấp dẫn đến lãi gộp quý này chỉ tăng 10%.

- Doanh thu tài chính giảm 3.162% do trong quý I có 2 tỷ đồng cổ tức của công ty con chuyển về.

- Chi phí tài chính kỳ này tăng 330% so với cùng kỳ năm trước là do chi phí lãi vay của khoản vay đầu tư vào xây dựng tòa nhà ITD tại quận 7 là 2.3tỷ.

Chính những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận quý I năm 2012 tăng so với cùng kỳ là 66%.

Trân trọng.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
M.S. SỐ: 030159660
CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ
TIỀN PHONG
QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH
Tổng giám đốc
Lâm Thiệu Quân